

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2022*

## **CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

Ngành: Quản lý đất đai

- Tên ngành đào tạo (tiếng Việt): Quản lý đất đai
- Tên ngành đào tạo (tiếng Anh): Land management
- Mã ngành: 7850103
- Chuyên ngành: Quản lý đất đai
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Bằng tốt nghiệp: Kỹ sư Quản lý đất đai

### **I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

#### **1. Mục tiêu chung (Goals)**

Mục tiêu chung của ngành học nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu chuyên môn trong lĩnh vực quản lý đất đai, vận dụng tốt, linh hoạt những thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ có liên quan, có khả năng thích ứng với nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội và hội nhập. Bên cạnh kiến thức cơ sở, chuyên môn vững vàng, người học còn được rèn luyện kỹ năng mềm cũng như tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, thái độ sống tích cực trong thời kỳ phát triển công nghiệp 4.0, đảm bảo chuẩn đầu ra của trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.

#### **2. Mục tiêu cụ thể (Program Objectives)**

Từ mục tiêu chung đã đề ra, chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai trình độ đại học sẽ trang bị cho người học các mục tiêu cụ thể (viết tắt là PO) như sau:

**PO1:** Đào tạo kỹ sư quản lý đất đai có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, giao tiếp xã hội tốt, có khả năng dẫn dắt, tổ chức sản xuất và chuyên giao kỹ thuật trong ngành Quản lý đất đai.

**PO2:** Vận dụng tốt kiến thức đại cương về tự nhiên và xã hội, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành vào các công tác liên quan đến quản lý đất đai.

**PO3:** Sử dụng thành thạo các kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng làm việc nhóm.

**PO4:** Học tập nâng cao trình độ, tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, thái độ sống tích cực trong xã hội toàn cầu, ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm công dân.

**PO5:** Phát triển tư duy nhận biết và giải quyết vấn đề, khả năng tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

## II. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học, người học phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

### A. KIẾN THỨC (KNOWLEDGE)

Trên cơ sở yêu cầu tối thiểu về kiến thức mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp, chương trình Quản lý đất đai trình độ đại học cụ thể hóa các kiến thức thành các chuẩn đầu ra cấp CTĐT (*Programme Learning Outcomes* – gọi tắt là “PLOs”) với 2 phần sau:

#### 1. Kiến thức chung (General knowledges)

**PLO 1:** Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**PLO 2:** Vận dụng các kiến thức về pháp luật đại cương, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào lĩnh vực Quản lý đất đai.

#### 2. Kiến thức nghề nghiệp (Professional knowdleges)

**PLO 3:** Vận dụng khối kiến thức về chính sách pháp luật trong quản lý đất đai.

**PLO 4:** Ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong quản lý đất đai.

**PLO 5:** Vận dụng khối kiến thức về quy hoạch để quản lý đất đai.

**PLO 6:** Vận dụng khối kiến thức về kinh tế trong lĩnh vực quản lý đất đai.  
**B. KỸ NĂNG (SKILL)**

**Kỹ năng chung (Generic skills)**

**PLO 7:** Sử dụng được ngoại ngữ (tiếng anh) và công nghệ thông tin để phát triển chuyên môn trong lĩnh vực Quản lý đất đai và các lĩnh vực khác.

**PLO 8:** Dẫn dắt, ra quyết định, làm việc độc lập và giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong nhóm và các đối tượng có liên quan trong hoạt động học thuật và chuyên môn nghề nghiệp.

**Kỹ năng nghề nghiệp (Professional skills)**

**PLO 9:** Soạn thảo văn bản hành chính, ứng dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, tìm kiếm và sử dụng thông tin trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**PLO 10:** Đo đạc thành lập các loại bản đồ, thiết kế, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai, lập đồ án bản vẽ và hồ sơ thiết kế kỹ thuật, khởi nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai và các lĩnh vực khác.

**C. TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM**

**PLO 11.** Tôn trọng và bảo vệ các giá trị đạo đức nghề nghiệp, có ý thức và trách nhiệm đối với xã hội, thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, sẵn sàng học tập nâng cao trình độ.

**PLO 12:** Cho thấy khả năng tự nghiên cứu và học tập suốt đời, tuân thủ các quy định pháp luật, chuyên nghiệp trong công việc, hợp tác vì sự phát triển của ngành quản lý đất đai và của cộng đồng.

**III. SỰ TƯƠNG QUAN NHẤT QUÁN GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA (CĐR)**

**Bảng 1.** Phân loại chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai

POs	PLOs											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	x							x				
2	x	x	x	x	x	x						
3							x	x	x	x		
4											x	
5												x

**POs:** Mục tiêu cụ thể của CTĐT.

PLOs: 01, 02,.....,PLOs: CDR cấp CTĐT

**Bảng 2: Ma trận mức độ công hiến của các học phần cho kết quả học tập mong đợi**

ST T	Mã HP	Tên môn học	Số TC	PLOs													
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1	20010 1	Triết học Mác - Lênin	3														
2	20250 1	Giáo dục thể chất 1*	1														
3	20262 2	Pháp luật đại cương	2														
4	20211 4	Toán cao cấp C1	3														
5	20211 5	Toán cao cấp C2	3														
6	21360 3	Anh văn 1	4														
7	21410 3	Tin học đại cương	3														
8	20010 2	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2														
9	20020 1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 (lý thuyết)*	3														
10	20020 2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 (thực hành)*	3														
11	20212 1	Xác suất thống kê	3														
12	20250 2	Giáo dục thể chất 2*	1														
13	20810 4	Kinh tế vi mô 1	3														
14	21360 4	Anh văn 2	3														
15	20010 3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2														
16	20010 7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2														
17	20010 5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2														
18	20911 0	Bản đồ học	3														
19	20913 9	Trắc địa	4														
20	20933 8	Tài nguyên đất	3														
21	20934 3	Quy hoạch	2														
22	20942 2	Kinh tế đất **	2														
23	20942 6	Luật đất đai	3														
24	20911 8	Tin học chuyên ngành	3														
25	20912 7	Bản đồ địa chính	2														
26	20913 0	Hệ thống thông tin địa lý	3														

ST T	Mã HP	Tên môn học	Số TC	PLOs													
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
27	20921 7	Định giá đất và BĐS	3														
28	20933 5	Quy hoạch sử dụng đất	2														
29	20940 5	Quản lý hành chính về đất đai	2														
30	20980 1	Phương pháp nghiên cứu KH	2														
31	20914 2	Hệ thống thông tin đất đai **	3														
32	20923 5	Đăng ký đất đai và bất động sản **	3														
33	20923 0	Thống kê, kiểm kê đất đai	2														
34	20262 0	Kỹ năng giao tiếp	2														
35	20811 0	Kinh tế vĩ mô 1	3														
36	20932 7	Nông nghiệp đô thị	2														
37	21250 7	Đánh giá tác động môi trường	2														
38	20933 2	Đánh giá đất	3														
39	20912 8	Cơ sở dữ liệu đất đai	3														
40	20912 9	Đo đạc địa chính	3														
41	20913 3	Quản lý hồ sơ địa chính	2														
42	20913 4	Rèn nghề 1, Đo đạc thành lập bản đồ	2														
43	20922 5	Bồi thường đất đai & BĐS	2														
44	20941 1	Soạn thảo văn bản và Hợp đồng kinh doanh	2														
45	20911 4	Bản đồ chuyên đề	3														
46	20911 5	Kỹ thuật bản đồ số	2														
47	20914 1	Viễn thám	3														
48	20921 8	Tài chính đất đai	2														
49	20922 9	Rèn nghề 2-Chính lý biến động đất đai	2														
50	20934 0	Quy hoạch đô thị	3														
51	20934 1	Quy hoạch phát triển nông thôn	2														
52	20943 0	Thanh tra đất đai	3														
53	20914 0	Trắc lượng ảnh	3														
54	20933 6	Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất **	3														
55	20933 7	Rèn nghề 3-Quy hoạch	2														

ST T	Mã HP	Tên môn học	Số TC	PLOs												
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
56	20920 3	Thị trường bất động sản	2													
57	20922 8	Luật xây dựng	2													
58	20933 4	Quy hoạch cảnh quan đô thị	2													
59	20934 2	Điều tra thoái hóa đất	2													
60	20914 3	Hệ thống định vị toàn cầu	2													
61	20914 5	Bản đồ địa hình	2													
62	20922 7	Luật nhà ở	2													
63	20931 1	Lập luận chứng kinh tế kỹ thuật	2													
64	20931 9	Bản vẽ xây dựng	2													
65	20910 3	Trắc địa công trình	3													
66	20913 8	Tích hợp viễn thám & GIS	2													
67	20923 4	Khởi nghiệp kinh doanh bất động sản	3													
68	20991 5	Khóa luận tốt nghiệp	12													

N : Không đóng góp/không liên quan    S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều    H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

#### **IV. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP**

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai trang bị cho sinh viên tốt nghiệp các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước, công ty, doanh nghiệp, trường/viện nghiên cứu và các tổ chức phi chính phủ với các vị trí khác nhau như:

- (1) Công chức, viên chức Nhà nước
- (2) Nghiên cứu viên, giảng viên
- (3) Chuyên viên tư vấn, đầu tư, kinh doanh bất động sản
- (4) Chuyên viên đo đạc, bản đồ, quản lý/xây dựng/vận hành cơ sở dữ liệu đất đai, xây dựng, địa chính – đô thị
- (5) Cán bộ quản lý đất đai cho các dự án.
- (6) Cán bộ trong các lĩnh vực có liên quan (ngân hàng, tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính, công ty đầu tư kinh doanh bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, công ty thẩm định giá bất động sản ...).

#### **V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý đất đai có thể học tập ở các bậc sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

**HIỆU TRƯỞNG**